

My name is: _____

WORKSHEET

FFs1 – Review

Teacher's feedbacks

Task 1. Search the days of the week: Con tìm các thứ ngày trong tuần nhé



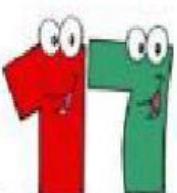
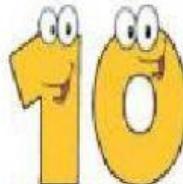
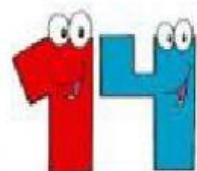
| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| R | F | W | E | D | N | E | S | D | A | Y |
| F | R | E | A | A | C | X | U | L | A | E |
| N | I | T | Y | M | W | A | N | U | W | M |
| D | D | U | D | M | X | Z | D | P | A | O |
| N | A | T | U | E | S | D | A | Y | A | N |
| Y | Y | R | E | U | O | B | Y | X | D | D |
| S | A | T | U | R | D | A | Y | D | T | A |
| T | T | H | U | R | S | D | A | Y | T | Y |



Task 2: Look and write: Con nhìn và viết đáp án đúng nhé



one



one

two

three

four

five

six

seven

eight

nine

ten

eleven

twelve

thirteen

fourteen

fifteen

sixteen

seventeen

eighteen

nineteen

twenty

Task 3: Look and write A/An: Con nhìn và viết A/An nhé

1. It's _____ notebook.



2. It's _____ apple .



3. I see _____ eraser.



4. It's _____ lunchbox.



5. It's _____ octopus.



6. It's _____ orange.



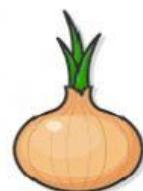
7. I see _____ pen.



8. It's _____ ruler.



9. I see _____ onion.



10. I see _____ egg.



Task 4: Read and tick **True (T) or **False (F)**: Con đọc và đánh dấu vào ô **T** nếu đáp áp đúng hoặc **F** nếu đáp án sai nhé**



Hello, my name is Annie. I am 9 years old. I live in London. I have got a dog.

I can ski and sing. I can't swim!

Every Monday, I play football with my brother at home. Every Tuesday, I sing English songs with my friends at school. On Wednesday, I read a book.

On Thursday, I can ride a bike. Every Friday, I do my homework.

1. Annie can swim.
2. Annie sings English songs.
3. She reads a book on Wednesday.
4. Annie can't ski.
5. She has got a cat.
6. She is 9 years old.
7. She can ride a bike on Monday.
8. Annie plays football with her sister.
9. Annie has got a dog.
10. She has got a brother.

| T | F |
|---|---|
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |